

Số: 215.1 /TB-SGD&ĐT

Hoà Bình, ngày 24 tháng 10 năm 2012

THÔNG BÁO
Của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức khối trực thuộc
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình năm 2012.

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 1096/SNV-QLCC ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế được giao của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-SGD&ĐT ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình về việc thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch viên chức và Biên bản làm việc ngày 21 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng kiểm tra sát hạch viên chức;

Hội đồng xét tuyển dụng viên chức năm 2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình thông báo kết quả kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn đến toàn thể các thí sinh tham gia kiểm tra, sát hạch biết (có danh sách kèm theo)./. *H*

Nơi nhận:

- Đài PT&TH tỉnh HB;
- Các Đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng GD&ĐT;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành



STT	Số	Họ và tên	Ngày, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Điều ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trường đào tạo		Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TDTN	Ngành đăng ký	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
							Xã	huyện				Hệ đào tạo	Loại							
3	54	Bùi Thị Vân	10/12/1988	Nữ	Mường	Phước Phú, Tân Lạc, HB	Phước Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,00	9,00	Lịch Sử	50,50	170,00	Bỏ thí
5	55	Bùi Thị Vân	10/02/1990	Nữ	Mường	Ngoại Mỹ, Tân Lạc, HB	Ngoại Mỹ	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,97	8,67	Lịch Sử	50,50	267,40	
6	56	Đào Thị Đào	26/04/1990	Nữ	Đào	Trần Sơn, Đà Bắc, HB	Toàn Sơn	Đà Bắc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,25	8,67	Lịch Sử	59,00	281,20	
7	57	Bùi Thị Vân	01/02/1987	Nữ	Mường	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Đài Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHOGHN	Khá	6,69	6,69	Lịch Sử	45,00	223,80	Tin chỉ
8	58	Lê Thị Thu	11/05/1990	Nữ	Mường	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Trì	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	7,58	8,45	Lịch Sử	51,00	262,30	Khoá luận
9	59	Đào Thị Đào	20/12/1988	Nữ	Kinh	Đông Sơn, Nam Tĩnh, Nam Định	TT Kỳ Sơn	Kỳ Sơn	DH	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	7,65	8,85	Lịch Sử	47,00	239,00	Khoá luận
10	60	Nguyễn Thị Ngọc	21/03/1989	Nữ	Kinh	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	Đông Lai	Tân Lạc	DH	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,48	7,48	Lịch Sử	60,00	269,60	Tin chỉ
11	61	Bùi Thị Vân	01/01/1989	Nữ	Mường	Phước Phú, Tân Lạc, HB	Phước Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội II	Khá	7,82	9,00	Lịch Sử	50,50	168,20	Bỏ thí
12	62	Bùi Thị Vân	07/05/1986	Nữ	Mường	Phước Phú, Tân Lạc, HB	Phước Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội II	Khá	7,93	7,67	Lịch Sử	50,50	144,60	Bỏ thí
13	63	Quách Thị	29/12/1986	Nữ	Mường	Bao Hiệu, Yên Thủy, HB	Phước Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	7,66	9,00	Lịch Sử	50,50	166,60	Bỏ thí
14	64	Trần Thị Mai	28/05/1989	Nữ	Kinh	Hiền Khánh, Vũ Bản, Nam Định	Xuất Hóa	Lạc Sơn	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,93	10,00	Lịch Sử	50,50	179,30	Bỏ thí
15	65	Đinh Thị	02/09/1989	Nữ	Mường	Vĩnh Tiến, Kim Bôi, HB	Xuất Hóa	Lạc Sơn	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,66	9,00	Lịch Sử	50,50	166,60	Bỏ thí
16	66	Bùi Thị Vân	17/02/1986	Nữ	Mường	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	Vĩnh Tiến	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,66	9,00	Lịch Sử	50,50	166,60	Bỏ thí
17	67	Bùi Thị Vân	09/07/1987	Nữ	Mường	Quy Mỹ, Tân Lạc, HB	Quy Mỹ	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,55	9,00	Lịch Sử	50,50	227,50	
18	68	Bách Như	05/09/1987	Nữ	Mường	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Tu Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,66	7,66	Lịch Sử	58,00	165,50	Bỏ thí
19	69	Bùi Thị Vân	10/12/1987	Nữ	Mường	Liên V, Lạc Sơn, HB	Liên V	Lạc Sơn	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,36	8,67	Lịch Sử	86,00	269,20	
20	70	Kiều Thị	19/09/1988	Nữ	Kinh	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Đài Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,65	7,65	Lịch Sử	57,50	268,60	
21	71	Nguyễn Thị	13/04/1989	Nữ	Mường	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Đài Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,53	7,33	Lịch Sử	54,00	266,00	
22	72	Hồ Thị Thu	14/05/1989	Nữ	Mường	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Vĩnh Tiến	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	8,22	8,50	Lịch Sử	57,50	307,20	Khoá luận
23	73	Đinh Thị	29/11/1984	Nữ	Kinh	Bến Giang, Thanh Oai, Hà Nội	Hậu Ninh	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Khá	7,85	8,95	Lịch Sử	65,00	168,00	Bỏ thí
24	74	Bùi Thị Vân	15/07/1989	Nữ	Mường	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Ngoại Lương	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHNTN	Khá	6,74	6,67	Lịch Sử	70,00	264,10	
25	75	Phạm Thị Thu	21/11/1989	Nữ	Kinh	Hòa Mạc, Duy Tiên, Hà Nam	Yên Lạc	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	8,35	8,67	Lịch Sử	86,00	306,20	
26	76	Phạm Thị Thu	05/05/1988	Nữ	Kinh	Huế Mạc, Duy Tiên, Hà Nam	Chanh Mát	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	7,36	8,67	Lịch Sử	86,00	332,30	
27	77	Ngoại Hương	13/02/1989	Nữ	Kinh	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Chanh Mát	TP Hòa Bình	DH	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	6,68	8,33	Lịch Sử	65,00	280,10	
28	78	Vũ Thị	20/11/1990	Nữ	Kinh	Ninh Giang, Hòa Lạc, Ninh Bình	Yên Trì	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	7,06	8,67	Lịch Sử	49,00	255,30	
29	79	Phạm Thị	28/07/1989	Nữ	Đào	Ba Vì, Ba Vì, Hà Tây	Yên Trì	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	8,55	9,00	Lịch Sử	90,00	352,40	Khoá luận
30	80	Nguyễn Hoàng	18/06/1986	Nam	Kinh	Xuất Hóa, Duy Tiên, Hà Nam	Yên Lạc	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	8,74	8,67	Lịch Sử	60,00	280,10	
31	81	Bùi Thị Vân	31/07/1990	Nữ	Mường	Phước Phú, Tân Lạc, HB	Phước Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	8,01	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	
32	82	Vũ Thị Thu	11/11/1986	Nữ	Kinh	Hồng Tiến, Kiên Xương, Thái Bình	Phước Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	8,67	8,67	Lịch Sử	79,00	170,10	Bỏ thí
33	83	Trần Đình	28/06/1989	Nam	Kinh	Lạc Thủy, Yên Thủy, HB	Sao Báy	Kim Bôi	DH	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	8,67	8,67	Lịch Sử	79,00	331,40	
34	84	Nguyễn Đức	06/12/1990	Nam	Kinh	Yên Cường, Yên Yên, Nam Định	TT Hùng Trám	Yên Thủy	DH	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHDP-Hà Nội	Khá	7,57	8,33	Lịch Sử	40,00	239,00	
Môn Địa Lý																				
1	114	Hà Quang	31/10/1983	Nam	Tây	Tu Lễ, Đà Bắc, HB	Tu Lễ	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,06	8,00	Địa Lý	50,00	150,60	Bỏ thí
2	115	Nguyễn Thị	20/07/1989	Nữ	Kinh	Lạc Sơn, Kim Bôi, HB	Ngoại Lương	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,81	8,33	Địa Lý	50,00	229,40	
3	116	Phạm Huệ	16/11/1988	Nam	Kinh	Tu Lễ, Kim Bôi, HB	Tu Lễ	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,60	8,00	Địa Lý	52,50	261,00	
4	117	Trần Minh	08/10/1988	Nam	Kinh	Yên Cường, Yên Yên, Nam Định	TT Đà Bắc	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	6,53	7,33	Địa Lý	58,00	254,60	
5	105	Bùi Thị Vân	24/10/1988	Nữ	Mường	Yên Ninh, Lạc Sơn, HB	TT Vũ Bản	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,67	7,67	Địa Lý	60,00	273,40	
6	106	Quách Thị	04/11/1987	Nữ	Mường	Đông Môn, Lạc Thủy, HB	Đông Môn	Lạc Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,53	8,33	Địa Lý	87,00	342,00	Khoá luận
7	107	Phạm Thanh	27/08/1990	Nam	Kinh	Liên Minh, Vũ Bản, Nam Định	Ngoại Mỹ	Hợp Thành, Kỳ Sơn, HB	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,53	8,33	Địa Lý	50,00	258,60	
8	108	Đinh Thị Hồng	28/09/1989	Nam	Kinh	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Hợp Thành	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	8,25	9,00	Địa Lý	87,50	347,50	Khoá luận
9	109	Trần Thị	07/03/1989	Nữ	Đào	Bản Sơn, Kim Bôi, HB	Bản Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,67	7,67	Địa Lý	50,00	153,40	Bỏ thí
10	110	Bùi Văn	07/07/1988	Nam	Mường	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Đài Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,32	6,50	Địa Lý	50,00	136,20	Bỏ thí
11	110	Lê Thị Kim	11/09/1990	Nữ	Kinh	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Đài Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,32	6,50	Địa Lý	50,00	136,20	Bỏ thí
12	112	Hà Thị Thu	07/05/1987	Nữ	Kinh	Thủy Phương, Thái Bình	Thủy Phương	Thái Bình	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,32	6,50	Địa Lý	50,00	142,00	Bỏ thí
13	116	Vũ Thị	26/07/1989	Nữ	Mường	Lạc Thủy, Yên Thủy, HB	Lạc Thủy	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,47	8,00	Địa Lý	170,10	154,70	Bỏ thí
14	118	Bản Văn	22/05/1985	Nam	Đào	Vũ Nưa, Đà Bắc, HB	Hợp Kim	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,47	8,00	Địa Lý	154,70	154,70	Bỏ thí
15	117	Hà Thị	24/08/1987	Nam	Mường	Xuất Hóa, Duy Tiên, Hà Nam	Cao Sơn	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	6,48	8,33	Địa Lý	148,10	148,10	Bỏ thí
16	120	Nguyễn Trung	17/09/1989	Nam	Mường	Ngoại Lương, Yên Thủy, HB	Ngoại Lương	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	6,93	7,03	Địa Lý	138,60	138,60	Bỏ thí
17	121	Nguyễn Thị Mai	01/07/1986	Nữ	Kinh	Tu Lễ, Kim Bôi, HB	Lạc Thủy	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	6,43	7,03	Địa Lý	96,00	326,30	
18	122	Bùi Văn	01/04/1989	Nam	Mường	Tu Lễ, Kim Bôi, HB	Tu Lễ	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,85	8,33	Địa Lý	65,00	291,80	
19	123	Nguyễn Thủy	20/07/1987	Nữ	Kinh	Lạc Sơn, Kim Bôi, HB	Lạc Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	6,81	6,33	Địa Lý	60,00	261,00	
20	124	Bùi Thanh	23/07/1989	Nữ	Kinh	TT Vũ Bản, Lạc Sơn, HB	TT Vũ Bản	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	7,00	7,00	Địa Lý	63,00	254,00	
21	125	Bùi Thị	10/07/1987	Nữ	Mường	Trần B, Kim Bôi, HB	Trần B	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHDP-DHNTN	Khá	8,14	8,30	Địa Lý	60,00	166,40	Bỏ thí
22	126	Bùi Thị	16/11/1988	Nữ	Mường	Liên V, Lạc Sơn, HB	Liên V	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý</									



Số TT	SĐT	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc gia	Họ và tên	Địa chỉ	Điện thoại	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành đăng ký	Điểm văn	Tổng điểm	Ghi chú
37	140	18/01/1988	Nam	Mường	Lạc Sơn, Yên Thủy, HB	Lạc Sơn	Yên Thủy	Con TB+DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	7,42	7,00	Địa Lý	95,00	144,20	Bỏ thí
38	142	22/08/1988	Nữ	Mường	Sơn Thủy, Kim Bôi, HB	Sơn Thủy	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	7,60	8,33	Địa Lý	95,00	349,60	
39	143	07/03/1989	Nam	Mường	Yên Trì, Yên Thủy, HB	Yên Trì	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	7,86	8,00	Địa Lý	95,00	329,40	
40	144	28/03/1988	Nữ	Mường	Có Nghĩa, Lạc Thủy, HB	Có Nghĩa	Lạc Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	7,75	9,00	Địa Lý	90,00	347,50	
41	145	01/07/1985	Nam	Kinh	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	An Tiến	Mỹ Đức	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,98	6,50	Địa Lý	26,00	182,80	
42	146	26/05/1988	Nữ	Kinh	Thị trấn Bô, Kim Bôi, HB	Thị trấn Bô	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,98	7,00	Địa Lý	47,00	263,80	
43	147	17/10/1989	Nữ	Mường	Liên Yên, Lạc Sơn, HB	Liên Yên	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,08	7,08	Địa Lý	72,00	285,60	Tin chỉ
44	148	18/06/1989	Nữ	Mường	Vĩnh Yên, Kim Bôi, HB	Vĩnh Yên	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,71	7,50	Địa Lý	45,00	225,40	Tin chỉ
45	149	26/01/1989	Nữ	Mường	Hưng Châu, Hưng Yên, Nghệ An	Hưng Châu	Hưng Yên	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,77	6,77	Địa Lý	45,00	225,40	Tin chỉ
46	150	27/08/1987	Nữ	Mường	Dan Hà, Kỳ Sơn, HB	Dan Hà	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,57	8,00	Địa Lý	135,70	Bỏ thí	
IV Môn Tiếng Anh																			
1	95	21/07/1988	Nữ	Kinh	Kim Bôi, HB	Hợp Kim	Kim Bôi		DH	SP Tiếng Anh	CQ	Văn ĐH Mở HN	Giỏi	8,22	8,75	Tiếng Anh	95,00	359,70	
2	96	10/01/1988	Nữ	Kinh	Nam Trục, Nam Định	Phước Lâm	TP Hòa Bình		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	7,51	7,67	Tiếng Anh	84,00	319,80	
V Giáo dục công dân																			
1	86	17/01/1985	Nữ	Mường	Yên Quỳ, Lương Sơn, HB	Yên Quỳ	TP Hòa Bình		DH	SP GD&CD	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,28	9,00	GD&CD	42,00	266,80	
2	87	13/05/1985	Nữ	Mường	Hiển Lương, Đà Bắc, HB	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP GD&CD	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,79	9,90	GD&CD	95,00	366,90	Khảo luận
3	88	30/10/1987	Nữ	Mường	Phước Phú, Tân Lạc, HB	Quý Hậu	Tân Lạc		DH	SP GD&CD	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,82	9,50	GD&CD	95,00	353,20	
4	89	18/10/1988	Nữ	Mường	Lâm Sơn, Lương Sơn, HB	Lâm Sơn	Lương Sơn		DH	SP GD&CD	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,12	7,12	GD&CD	142,40	Bỏ thí	
VI Môn Toán																			
1	97	29/01/1989	Nữ	Mường	Yên Trì, Yên Thủy, HB	Yên Trì	Yên Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,80	8,00	Toán	60,00	268,00	
2	98	14/09/1989	Nữ	Kinh	Phủ Cầu, đống Hòa, Hà Nội	Đống Tiến	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,20	6,50	Toán	41,00	209,00	
3	99	27/09/1989	Nam	Mường	Thái Bình, TP Hòa Bình, HB	Thái Bình	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	6,52	6,67	Toán	43,00	217,90	
4	100	04/01/1989	Nữ	Kinh	Khánh Trung, Kim Sơn, Ninh Bình	An Nghĩa	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	7,19	7,00	Toán	98,00	337,90	
5	101	30/07/1990	Nữ	Kinh	An Lạc, Lạc Thủy, HB	An Lạc	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	8,04	9,00	Toán	90,00	350,40	
6	102	14/04/1988	Nam	Kinh	Tân Phong, Đà Bắc, HB	Tân Phong	Đà Bắc		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,63	6,63	Toán	35,00	202,60	Tin chỉ
7	103	12/08/1988	Nữ	Mường	Ngọc Lâu, Lạc Sơn, HB	Ngọc Lâu	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,33	7,67	Toán	42,00	254,00	
8	104	12/11/1989	Nam	Mường	Phủ Cầu, Lạc Thủy, HB	Có Nghĩa	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,64	6,75	Toán	93,00	319,90	
VII Môn Sinh học																			
1	90	03/07/1989	Nữ	Kinh	Liên Minh, Vụ Bản, Nam Định	Mường Khuôn	Tân Lạc		DH	CN Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,28	6,25	Sinh học	43,00	211,30	
2	91	27/11/1989	Nữ	Kinh	Kim Chính, Kim Sơn, Ninh Bình	Tứ Nê	TP Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DH Tây Bắc	Kinh	8,21	9,00	Sinh học	96,00	304,10	
3	92	04/11/1990	Nữ	Mường	Xà Hoa Bình, TP Hòa Bình, HB	Tân Hòa	TP Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,18	7,18	Sinh học	50,00	243,60	Tin chỉ
4	93	16/01/1988	Nam	Mường	Đông Lai, Tân Lạc, Hòa Bình	Đông Lai	Tân Lạc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,12	6,67	Sinh học	90,00	317,90	
5	94	18/09/1987	Nữ	Kinh	Thanh Xá, Thanh Thái, Hà Nội	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,75	6,33	Sinh học	55,00	240,80	
VIII Công nghệ																			
1	85	05/09/1984	Nam	Kinh	Quảng Xương, Thanh Hóa	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Kỹ thuật	TC	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,16	7,50	Công nghệ	58,00	262,60	
IX Môn Âm nhạc																			
1	160	04/11/1985	Nữ	Kinh	Hòa Lâm, đống Hòa, Hà Nội	Phước Lâm	TP Hòa Bình		DH	SP Âm nhạc	TC	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,75	8,50	Âm nhạc	97,50	357,50	
2	161	06/11/1986	Nam	Kinh	Yên Bông, Lạc Thủy, HB	Yên Bông	Lạc Thủy		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,48	6,80	Âm nhạc	60,00	252,80	
3	162	09/09/1990	Nam	Mường	Đứ Sảng, Kim Bôi, HB	Đứ Sảng	Kim Bôi		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,96	8,67	Âm nhạc	57,00	260,40	
4	163	10/08/1986	Nữ	Kinh	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	Mỹ Hòa	Kim Bôi		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,91	8,67	Âm nhạc	60,00	285,60	
5	164	15/12/1987	Nữ	Mường	Kim Bôi, Kim Bôi, HB	Kim Bôi	Kim Bôi		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,89	8,67	Âm nhạc	60,00	285,60	
6	165	Đà Quang Huy	Nữ	Kinh	Yên Lôi, Yên, Nam Định	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,00	8,83	Âm nhạc	67,00	291,00	
7	166	08/04/1990	Nữ	Kinh	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Tây	Tân Thịnh	TP Hòa Bình		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,37	8,33	Âm nhạc	79,00	314,00	
8	167	07/06/1987	Nữ	Mường	Đông Rừng, Đà Bắc, HB	Đông Rừng	Đà Bắc		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	8,00	8,33	Âm nhạc	97,00	357,30	
9	168	27/09/1989	Nam	Kinh	Xuân Trường, Nam Định	TT Mai Châu	Mai Châu		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,28	7,33	Âm nhạc	39,00	214,10	
10	169	18/01/1991	Nữ	Kinh	Tiên Dung, Bình Lạc, Hà Nam	Tây Phong	Cao Phong		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,48	8,67	Âm nhạc	96,00	353,50	
11	170	18/04/1984	Nam	Mường	Tân Lập, Lạc Sơn, HB	Tân Lập	Lạc Sơn		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,79	7,13	Âm nhạc	139,20	Bỏ thí	
12	171	25/11/1986	Nữ	Kinh	Gia Phúc, Gia Viễn, Ninh Bình	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,85	7,67	Âm nhạc	98,00	315,20	Bỏ thí
13	172	21/11/1990	Nam	Mường	Đứ Sảng, Kim Bôi, HB	Đứ Sảng	Kim Bôi		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	5,92	6,00	Âm nhạc	98,00	315,20	Bỏ thí
14	173	23/02/1991	Nữ	Kinh	Khuan Du, Lạc Thủy, HB	Khuan Du	Tân Lạc		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,35	8,00	Âm nhạc	85,00	323,50	
15	174	09/10/1989	Nam	Mường	Diễn Nặng, Diêm Châu, Nghệ An	Quý Hậu	Tân Lạc		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	8,05	9,70	Mỹ Thuật	94,00	365,50	
16	175	13/12/1987	Nam	Kinh	Phủ Thành, Lạc Thủy, HB	Phủ Thành	Lạc Thủy		DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,90	7,17	Mỹ Thuật	70,00	280,70	
X Môn Mỹ Thuật																			
1	151	23/12/1986	Nam	Kinh	Hòa Nain, đống Hòa, Hà Nội	Thống Nhất	TP Hòa Bình		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,90	7,17	Mỹ Thuật	70,00	280,70	
2	152	14/02/1985	Nam	Mường	Phủ Cầu, Lạc Thủy, HB	Phủ Cầu	Lạc Thủy		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,63	8,83	Mỹ Thuật	73,00	310,60	
3	153	17/01/1986	Nam	Kinh	Mai Hích, Mai Châu, HB	Mai Hích	Mai Châu		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,70	8,67	Mỹ Thuật	68,00	299,70	
4	154	23/09/1988	Nữ	Kinh	Phủ Cầu, Lạc Thủy, HB	Có Nghĩa	Lạc Thủy		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,32	7,17	Mỹ Thuật	94,00	322,90	
5	155	18/02/1988	Nữ	Mường	An Bình, Lạc Thủy, HB	Phủ Cầu	Lạc Thủy		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,84	6,33	Mỹ Thuật	82,00	295,70	
6	156	12/09/1988	Nam	Mường	Lạc Hùng, Yên Thủy, HB	Lạc Hùng	Yên Thủy		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,68	8,17	Mỹ Thuật	268,50		
7	157	26/11/1990	Nữ	Kinh	Nà Nho, Mai Châu, HB	Nà Nho	Mai Châu		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,75	7,00	Mỹ Thuật	95,00	327,50	
8	158	17/08/1989	Nữ	Kinh	Đông Nam, Đông Sơn, Thanh Hóa	TT Hương Trám	Yên Thủy		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,79	7,00	Mỹ Thuật	95,00	327,90	
9	159	01/01/1986	Nam	Kinh	Quận Minh, Ba Vì, Hà Nội	Tu Lý	Đà Bắc		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	6,79	7,00	Mỹ Thuật	95,00	327,90	
II. TH SINH ĐANG KÝ XÉT TUYỂN DỰNG KHỎI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG																			
I Môn Toán																			
1	176	Đang Thị Ngọc	Nữ	Kinh	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	Hà B	Kim Bôi		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Kinh	7,67	9,00	Toán	62,00	290,70	



STT	SBD	Họ và tên Giáo viên dạy	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Tương đương tạo		Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành Đăng ký	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
						Xã	huyện													
2	177	Vũ Đức Cường	Nam	Kinh	Từ Sơn, Khoái Châu, Hưng Yên	Cố Nghĩa	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DH Tây Bắc		Khá	7,06	8,33	Toán	68,00	289,93	
3	178	Vũ Văn Tuấn	Nam	Kinh	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TT Cao Phong	Cao Phong		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,57	10,00	Toán	95,00	365,70	Khoá luận
4	179	Đỗ Thị Bích	Nam	Kinh	Phước Yên, Hà Hòa, Phú Thọ	Phu Lão	Lạc Thủy		DH	SP Toán - Lý	CQ	DH Tây Bắc		Giỏi	8,25	8,00	Toán	96,00	354,50	
5	180	Nguyễn Thị Hà	Nam	Mường	Yên Mông, TP Hòa Bình, Hòa Bình	Yên Mông	Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,17	8,00	Toán	50,00	251,70	
6	181	Đinh Thanh	Nam	Kinh	Liên Vũ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vũ	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	5,84	6,33	Toán	50,00	221,73	
7	182	Nguyễn Thủy	Nam	Mường	TP Hòa Bình, Hòa Bình	Thịnh Lương	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	5,94	5,00	Toán	62,00	233,40	
8	183	Tiến Thị	Nam	Kinh	Khánh Dương, Yên Mô, Ninh Bình	Lạc Thịnh	Yên Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		Khá	7,27	7,27	Toán	70,00	285,40	Tin chỉ
9	184	Tổng Thị Thủy	Nam	Kinh	Sơn Thịnh, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Thanh Hà	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	7,96	9,00	Toán	65,00	299,60	Khoá luận
10	185	Nguyễn Tuấn	Nam	Kinh	Sơn Thịnh, Hương Sơn, Hà Tĩnh	TT Kỳ Sơn	Kỳ Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,27	7,35	Toán	65,00	260,20	
11	186	Bùi Văn	Nam	Mường	Quý Hòa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Quý Hòa	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,24	7,33	Toán	86,00	317,73	
12	187	Nguyễn Thị	Nam	Kinh	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TT Lương Sơn	Lương Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,46	6,46	Toán	30,00	189,20	Tin chỉ
13	188	Bà Xuân	Nam	Kinh	Thị Lộ, Thanh Trì, Hà Nội	Hầu Nghi	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,65	8,25	Toán	62,00	273,00	Khoá luận
14	189	Ta Minh	Nam	Kinh	Lạc Long, Lạc Thủy, Hòa Bình	Lạc Long	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		Khá	7,68	9,00	Toán	95,00	356,80	Khoá luận
15	190	Bùi Thị	Nam	Mường	An Bình, Lạc Thủy, Hòa Bình	An Bình	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		Khá	8,25	9,50	Toán	65,00	307,50	Khoá luận
16	191	Bùi Thị	Nam	Mường	Đa Phúc, Yên Thủy, Hòa Bình	Đa Phúc	Yên Thủy		DH	SP Toán	CQ	DH H. Vương-Phủ Thọ		Khá	7,06	8,00	Toán	68,00	286,60	
17	192	Bùi Văn	Nam	Mường	Tân Mỹ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tân Mỹ	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,26	8,67	Toán	52,00	263,27	
18	193	Bùi Thị	Nam	Mường	Vinh Tân, Kim Bôi, Hòa Bình	Vinh Tân	Kim Bôi		DH	SP Toán	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,22	7,67	Toán	70,00	288,87	
19	194	Bà Văn	Nam	Mường	Hợp Đông, Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Đông	Kim Bôi		DH	SP Toán	CQ	DH Tây Bắc		Khá	7,00	7,33	Toán	85,00	313,33	
20	195	Dương Thị	Nam	Kinh	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Trì	Yên Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,69	10,00	Toán	68,00	312,90	Khoá luận
21	196	Lê Quang	Nam	Kinh	Kim Bôi, Hòa Bình	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	5,60	6,50	Toán	68,00	257,00	
22	197	Bùi Văn	Nam	Mường	Tân Mỹ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tân Mỹ	Lạc Sơn		DH	SP Toán-Lý	CQ	DH Tây Bắc		Khá	7,33	6,67	Toán	45,00	228,97	
23	198	Nguyễn Thị Thu	Nam	Mường	Mông Hóa, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Mông Hóa	Kỳ Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,56	7,33	Toán	70,00	278,93	Tin chỉ
24	199	Nguyễn Thu	Nam	Kinh	Cao Văn, Lê Thủy, Quảng Bình	Vũ Bân	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		Khá	7,57	7,67	Toán	85,00	323,40	
25	200	Hoàng Trung	Nam	Kinh	Phước Yên, Hà Hòa, Phú Thọ	Phước Yên	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,53	7,00	Toán	60,00	235,30	
26	201	Hà Văn	Nam	Kinh	Liên Mạc, Mè Linh, Vĩnh Phúc	Tân Thập	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	6,51	5,50	Toán	82,00	284,10	
27	202	Tiến Thị	Nam	Kinh	Liên Mạc, Mè Linh, Vĩnh Phúc	Phước Lâm	Tân Lạc		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	7,33	7,33	Toán	75,00	301,03	
28	203	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	Kinh	Tx Bắc Bình, Bắc Ninh	TP Hòa Bình	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,13	6,00	Toán	57,00	121,30	Bỏ thí
29	204	Dư Thị Thanh	Nam	Kinh	Gia Trung, Gia Viễn, Ninh Bình	TT Cao Phong	Cao Phong		DH	SP Toán - Tin	CQ	DHSP-DHTN		Khá	6,76	7,33	Toán	92,00	248,00	Tin chỉ
30	205	Đinh Thị Hồng	Nam	Mường	Yên Bình, Lạc Thủy, Hòa Bình	Yên Bình	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,54	8,33	Toán	83,00	324,75	Khoá luận
31	206	Nguyễn Thị	Nam	Kinh	Liên Mạc, Thanh Liên, Hà Nam	TT Cao Phong	Cao Phong		DH	SP Toán	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,75	8,50	Toán	67,00	296,50	
32	207	Vũ Thị	Nam	Kinh	Tân Việt, Yên Mỹ, Hưng Yên	Tân Lộ	Tân Lạc		DH	SP Toán	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,49	7,33	Toán	46,50	241,23	
33	208	Bùi Thị	Nam	Mường	Hà Bì, Kim Bôi, Hòa Bình	Hà Bì	Kim Bôi		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,64	8,00	Toán	57,00	262,40	
34	209	Vũ Thị	Nam	Kinh	Vũ Lâm, Lạc Sơn, Hòa Bình	Vũ Lâm	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		Khá	7,06	7,06	Toán	70,00	141,20	Bỏ thí
35	210	Bùi Thị	Nam	Mường	Ấn Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ấn Nghĩa	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,02	7,00	Toán	30,00	200,20	
36	211	Phạm Thị	Nam	Kinh	Thương Hòa, Kiên Xuyên, Thái Bình	Tân Hòa	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,69	10,00	Toán	78,00	332,90	Khoá luận
37	212	Hoàng Thị	Nam	Kinh	Hưng Lanh, Hưng Nguyên, Nghệ An	P. Thái Bình	Phủ Lương		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		Khá	6,97	7,00	Toán	62,00	263,90	
38	213	Tiền Thị Hồng	Nam	Kinh	Phước Yên, Hà Hòa, Phú Thọ	Phủ Lương	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,22	9,00	Toán	48,00	258,20	
39	214	Phạm Thị	Nam	Kinh	Ba Vì, Hà Nội	Xuất Hòa	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,22	9,00	Toán	48,00	258,20	
40	215	Bùi Tiến	Nam	Kinh	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	Phủ Thành	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,28	5,67	Toán	49,00	217,47	
41	216	Nguyễn Ngọc	Nam	Kinh	Thanh Minh, Phú Thọ	Đông Tiến	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	5,67	5,00	Toán	65,00	106,70	Bỏ thí
42	217	Dương Đức	Nam	Kinh	Yên Bông, Lạc Thủy, Hòa Bình	Yên Bông	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,20	7,35	Toán	69,50	269,50	
43	218	Lê Thị Lê	Nam	Kinh	Đại Hùng, đng Hòa, Hà Nội	Tứ Nê	Tân Lạc		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,15	6,50	Toán	61,00	248,50	
44	219	Nguyễn Phương	Nam	Mường	Hải Phú, Hải Hậu, Nam Định	Lâm Sơn	Lương Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,29	6,29	Toán	34,50	194,80	Tin chỉ
45	220	Nguyễn Thu	Nam	Kinh	Kim Thái, Vũ Bản, Nam Định	TT Lương Sơn	Lương Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,20	5,67	Toán	55,00	228,67	
46	221	Tiền Thị Thu	Nam	Kinh	Tứ Nê, Tân Lạc, Hòa Bình	Tân Lạc	Tân Lạc		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		Khá	7,66	8,67	Toán	78,00	319,27	
47	222	Bùi Hà	Nam	Kinh	Có Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình	Có Nghĩa	Lạc Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,90	7,75	Toán	91,00	328,50	Khoá luận
48	223	Trịnh Thị	Nam	Mường	Ngọc Lương, Yên Thủy, Hòa Bình	TT Hưng Trám	Yên Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Tây Bắc		T.Bình	6,24	5,67	Toán	37,00	193,07	
49	224	Nguyễn Văn	Nam	Kinh	Yên Phú, y Yên, Nam Định	Đông Tiến	Lạc Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,06	6,06	Toán	59,00	231,91	
50	225	Nguyễn Văn	Nam	Kinh	Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình	Đông Tiến	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,06	5,33	Toán	98,00	314,83	
51	226	Nguyễn Thu	Nam	Kinh	Yên Thủy, Hòa Bình	TT Lương Sơn	Lương Sơn		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	7,11	9,25	Toán	81,00	318,20	
52	227	Đinh Thị Mỹ	Nam	Kinh	Đa Phúc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Đa Phúc	Yên Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,11	9,25	Toán	63,00	289,60	
53	228	Bùi Thị	Nam	Mường	Tu Lý, Đa Bắc, Hòa Bình	TT Đa Bắc	Đa Bắc		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,27	6,40	Toán	50,00	226,70	
54	229	Hà Thị Thanh	Nam	Kinh	Thanh lương, Thanh Liêm, Hà Nam	Yên Thủy	Yên Thủy		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,72	8,50	Toán	80,00	312,20	Khoá luận
55	230	Đỗ Thị Thanh	Nam	Kinh	Đông Phong, Ninh Quan, Ninh Bình	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,53	6,53	Toán	85,00	300,60	Tin chỉ
56	231	Quách Thị	Nam	Mường	Đông Phong, Ninh Quan, Ninh Bình	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,53	6,53	Toán	85,00	300,60	Tin chỉ
II Môn Vật lý																				
1	232	Bùi Thị	Nam	Kinh	Yên Mỹ, y Yên, Nam Định	Bảo Hiệu	Yên Thủy		DH	SP Vật lý	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,48	6,48	Vật lý	33,00	199,60	Tin chỉ
2	233	Bùi Minh	Nam	Mường	Liên Vũ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vũ	Lạc Sơn		DH	SP Vật lý	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,00	7,00	Vật lý	73,00	286,00	
3	234	Nguyễn Thị Hà	Nam	Kinh	Gia Chung, Gia Viễn, Ninh Bình	TT Bô	Kim Bôi		DH	CN Vật lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		Giỏi	8,12	9,30	Vật lý	93,00	366,20	Khoá luận
4	235	Nguyễn Đình	Nam	Kinh	Hòa Phú, Chng Hà, Hà Nội	Công Thắng	Lương Sơn		DH	SP Vật lý	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,22	6,33	Vật lý	40,00	205,53	
5	236	Bùi Minh	Nam	Mường	Ngọc Lưu, Lạc Sơn, Hòa Bình	TT Vũ Bản	Lạc Sơn		DH	SP Vật lý - Hóa	CQ	DHSP-DHTN		T.Bình	6,59	5,67	Vật lý	60,00	242,57	



STT	SRD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Diện tích đất đai	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành đào tạo	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
							Xã	huyện									
6	237	Tà Thị Thu	20/07/1989	Nữ	Kinh	Hồng Thái, Kiên Xương, Thái Bình	Bắc Phong	Cao Phong	Con BB	DH	SP Vải lý	8,40	9,80	Vải lý	85,00	352,00	Khoá luận
7	238	Bùi Thị	20/07/1989	Nữ	Mường	Tên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Dan Quê	Tp Hòa Bình	Dan tộc	DH	SP Vải lý	8,01	9,80	Vải lý	80,00	339,10	Khoá luận
8	239	Bùi Thị Ngọc	16/04/1987	Nam	Mường	Tây Phong, Cao Phong, Hòa Bình	Tây Phong	Cao Phong	Dan tộc	DH	SP Vải lý	7,14	7,97	Vải lý	40,00	125,93	Bỏ thí
9	240	Bùi Thị Ngọc	18/01/1988	Nữ	Mường	Vân Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ái Nghĩa	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Vải lý	6,06	6,33	Vải lý	98,00	311,47	
10	241	Tân Tuấn	14/02/1986	Nam	Kinh	Vân Minh, Thanh Thủy, Phú Thọ	Từ Nê	Tân Lạc	DH	DH	SP Vải lý	5,88	5,67	Vải lý	90,00	338,60	
11	242	Hoàng Kiên	04/01/1990	Nữ	Kinh	Phú Kim, Thạch Thám, Hà Nội	Trung bi	Lương Sơn	DH	DH	SP Vải lý	7,86	8,00	Vải lý	50,00	282,30	Khoá luận
12	243	Ngô Thị	29/01/1990	Nữ	Kinh	Thanh Ngự, Thanh Lâm, Hà Nam	Thanh Hồi	Kim Bôi	DH	DH	SP Vải lý	8,33	9,90	Vải lý	60,00	242,23	
13	244	Nguyễn Thủy	23/04/1986	Nữ	Kinh	Cao Đức, gia Bình, Bắc Ninh	Thanh Hồi	Tân Lạc	DH	DH	SP Vải lý	8,12	9,90	Vải lý	45,00	270,20	Khoá luận
14	245	Nguyễn Thị	15/02/1993	Nữ	Mường	Hợp Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TT Cao Phong	Kim Bôi	DH	DH	SP Vải lý	8,01	9,90	Vải lý	85,00	349,10	Khoá luận
15	246	Nguyễn Thị	20/11/1990	Nữ	Kinh	Đoan Hạ, Thanh Thủy, Phú Thọ	TT Cao Phong	Cao Phong	Dan tộc	DH	SP Vải lý	6,81	8,75	Vải lý	40,00	235,60	
16	247	Bùi Văn	19/04/1987	Nam	Mường	Lạc Lương, Yên Thủy, Hòa Bình	Lạc Lương	Yên Thủy	Con TB-DT	DH	SP Vải lý	6,89	8,33	Vải lý	75,00	302,23	
17	248	Đương Tiến	30/08/1988	Nam	Kinh	Yên Bàng, Lạc Thủy, Hòa Bình	Yên Bàng	Lạc Thủy	DH	DH	SP Vải lý	7,33	8,00	Vải lý	96,00	345,30	
18	249	Bùi Thị	21/01/1990	Nữ	Mường	Nhan Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Nhan Nghĩa	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Vải lý	7,87	9,90	Vải lý	65,00	307,70	Khoá luận
19	250	Phạm Ngọc	12/08/1990	Nữ	Kinh	Hợp Kim, Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Kim	Kim Bôi	DH	DH	SP Vải lý	7,83	8,67	Vải lý	73,00	310,97	
20	251	Bùi Thị	05/09/1988	Nữ	Mường	Bắc Phong, Cao Phong, Hòa Bình	Bắc Phong	Cao Phong	Dan tộc	DH	SP Vải lý	5,97	6,00	Vải lý	92,00	303,70	
21	252	Hà Việt	12/01/1986	Nam	Mường	Hợp Thịnh, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Hợp Thịnh	Kỳ Sơn	Dan tộc	DH	SP Vải lý	6,10	7,83	Vải lý	80,00	299,33	
22	253	Nguyễn Thành	06/03/1987	Nam	Kinh	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	Phượng Lâm	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Vải lý	5,95	5,67	Vải lý	91,00	116,17	Bỏ thí
23	254	Lưu Văn	26/09/1989	Nam	Kinh	Cát Thái, Trục Ninh, Nam Định	TT Vũ Bản	Lạc Sơn	Con TB	DH	SP Vải lý	8,23	8,33	Vải lý	91,00	347,63	
24	255	Nguyễn Minh	10/04/1986	Nam	Kinh	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	Hà Bì	Kim Bôi	DH	DH	SP Vải lý	7,31	8,67	Vải lý	85,00	320,77	
25	256	Phạm Thị	24/12/1989	Nữ	Kinh	Độc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	Phạm Thanh	Cao Phong	DH	DH	SP Vải lý	7,36	7,67	Hóa học	72,00	294,27	
III Môn Hóa học																	
1	257	Quách Văn	08/07/1989	Nam	Mường	Đa Phúc, Yên Thủy, Hòa Bình	Đa Phúc	Yên Thủy	Dan tộc	DH	SP Hóa học	6,86	7,33	Hóa học	53,00	247,93	
2	258	Bình Công	02/08/1987	Nam	Mường	Hợp Đồng, Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Đồng	Kim Bôi	Dan tộc	DH	SP Hóa học	6,80	6,80	Hóa học	88,50	347,40	
3	259	Bùi Văn	20/09/1987	Nam	Kinh	Yên Mỹ, Yên Nam, Định	Bào Hiền	Yên Thủy	DH	DH	SP Hóa học	8,03	9,00	Hóa học	50,50	260,33	
4	260	Vũ Thị Khánh	23/10/1990	Nữ	Kinh	Hà Lam, Bim Sơn, Thanh Hóa	Đông Tiến	Tp Hòa Bình	Dan tộc	DH	SP Hóa học	7,60	8,33	Hóa học	80,50	295,27	
5	261	Bùi Thanh	05/12/1990	Nam	Mường	Vinh Đông, Kim Bôi, Hòa Bình	Vinh Đông	Kim Bôi	Dan tộc	DH	SP Hóa học	6,06	6,17	Hóa học	53,00	236,27	
6	262	Nguyễn Thị Thu	21/12/1989	Nữ	Kinh	Trục Ninh, Trục Ninh, Nam Định	Xuất Hóa	Lạc Sơn	DH	DH	SP Hóa học	6,35	7,33	Hóa học	57,00	249,33	
7	263	Mai Ngọc	14/10/1986	Nam	Kinh	Nga Bành, Nga Sơn, Thanh Hóa	Phượng Lâm	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Hóa học	6,65	7,33	Hóa học	57,00	253,83	
8	264	Phạm Trung	27/04/1989	Nam	Kinh	Yên Nghĩa, Yên Nam, Định	Cố Nghĩa	Lạc Thủy	Dan tộc	DH	SP Hóa học	6,80	7,33	Hóa học	92,00	309,13	
9	265	Bùi Văn	03/09/1988	Nam	Mường	Đông Bắc, Kim Bôi, Hòa Bình	Đông Bắc	Kim Bôi	DH	DH	SP Hóa học	6,18	6,33	Hóa học	85,00	329,30	Khoá luận
10	266	Nguyễn Sơn	20/11/1990	Nam	Kinh	Hợp Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	Vinh Tiến	Kim Bôi	DH	DH	SP Hóa học	6,34	7,50	Hóa học	58,00	252,40	
11	267	Nguyễn Thị	02/04/1989	Nữ	Kinh	TT Chũ Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Chũ Nê	Lạc Thủy	DH	DH	SP Hóa học	6,45	7,00	Hóa học	43,00	242,50	
12	268	Vũ Thị Thu	11/11/1989	Nữ	Kinh	Liên Minh, Vũ Bản, Nam Định	TT Đông Khê	Đa Phúc	DH	DH	SP Hóa học	6,86	8,00	Hóa học	75,00	298,60	
13	269	Nguyễn Đức	25/11/1988	Nam	Kinh	Hồng Quang, ứng hòa, Hà Nội	Hợp Kim	Kim Bôi	DH	DH	SP Hóa học	6,55	9,00	Hóa học	92,00	301,63	
14	270	Nguyễn Đăng	08/02/1990	Nam	Kinh	An Bình, Thuận Thành, Bắc Ninh	Hợp Kim	Kim Bôi	DH	DH	SP Hóa học	7,65	8,33	Hóa học	68,00	207,00	
15	271	Nguyễn Thị Hồng	21/07/1988	Nữ	Kinh	Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Kim	Kim Bôi	DH	DH	SP Hóa học	6,30	6,00	Hóa học	42,00	233,30	Khoá luận
16	272	Hoàng Thị	02/09/1988	Nữ	Kinh	Đức Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	TT Lương Sơn	Lương Sơn	Dan tộc	DH	SP Hóa học	7,23	8,50	Hóa học	92,00	327,50	Khoá luận
17	273	Lê Thị Phương	31/12/1989	Nữ	Kinh	Khả Phong, Kim Bàng, Hà Nam	Phú Thành	Lạc Thủy	DH	DH	SP Hóa học	6,30	6,00	Hóa học	90,00	303,00	
18	274	Bùi Thị	14/04/1983	Nữ	Mường	Từ Do, Lạc Sơn, Hòa Bình	Mai Ha	Mai Châu	DH	DH	SP Hóa học	6,30	6,00	Hóa học	42,00	207,00	
19	275	Hoàng Đức	28/07/1983	Nam	Kinh	Xuân Hòa, Xuân trường, Nam Định	Phong Phú	Tân Lạc	DH	DH	SP Hóa học	7,23	8,50	Hóa học	92,00	327,50	Khoá luận
20	276	Ngô Thị	18/05/1989	Nữ	Kinh	Tam Thanh, Vũ Bản, Nam Hà	TT Hồng Trám	Yên Thủy	DH	DH	SP Hóa học	6,30	6,00	Hóa học	90,00	303,00	
21	277	Trần Thị Thu	30/10/1989	Nam	Kinh	Xuân Thịnh, Thiệu Sơn, Thanh Hóa	Dan Chũ	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Hóa học	6,30	6,00	Hóa học	90,00	303,00	
22	278	Lê Thành	30/10/1989	Nam	Kinh	Xuân Thịnh, Thiệu Sơn, Thanh Hóa	Dan Chũ	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Hóa học	6,30	6,00	Hóa học	90,00	303,00	
IV Môn Sinh học																	
1	279	Đương Thị Văn	11/07/1986	Nữ	Kinh	Kỳ Sơn, Từ Kỳ, Hải Dương	Hàn Nghi	Tp Hòa Bình	ThS	ThS	CN Sinh học	8,10	7,17	Sinh học	60,00	272,67	
2	280	Lê Hoàng	11/09/1987	Nam	Mường	Lương Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Lương Sơn	Lương Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	6,68	7,00	Sinh học	55,00	136,80	Bỏ thí
3	281	Mai Mai	16/10/1989	Nữ	Kinh	Trục Thuận, Trục Ninh, nam Định	TT Vũ Bản	Lạc Sơn	DH	DH	SP Sinh	6,07	6,00	Sinh học	77,00	297,30	
4	282	Bùi Thị	06/03/1988	Nữ	Mường	Từ Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Từ Sơn	Kim Bôi	Con TB-DT	DH	SP Sinh	6,73	6,00	Sinh học	65,00	237,30	
5	283	Bùi Thị Thanh	13/07/1984	Nữ	Kinh	Tôi Đông, Chương Mỹ, Hà Nội	Chăm Mát	Hòa Bình	DH	DH	SP Sinh	6,48	8,00	Sinh học	77,00	298,80	
6	284	Bùi Thị Hồng	16/04/1986	Nữ	Mường	Đo Nhai, Chương Mỹ, Hà Nội	Chăm Mát	Hòa Bình	DH	DH	SP Sinh-KTNN	6,34	8,00	Sinh học	77,00	297,40	
7	285	Mai Văn	12/07/1983	Nam	Kinh	Nam Cát, Nam Đan, Nghệ An	Bắc Sơn	Tân Lạc	DH	DH	SP Sinh	6,07	6,50	Sinh học	65,00	235,70	
8	286	Bùi Thị	08/07/1989	Nữ	Mường	Kim Bôi, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	Kim Bôi	Dan tộc	DH	SP Sinh	6,99	6,33	Sinh học	70,00	273,23	
9	287	Bùi Thị Thu	13/07/1989	Nữ	Mường	An Lạc, Lạc Thủy, Hòa Bình	Chũ Nê	Lạc Thủy	Dan tộc	DH	SP Sinh	7,12	8,00	Sinh học	91,00	333,20	
10	288	Nguyễn Thị	04/02/1986	Nữ	Kinh	Phượng Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	Hòa Sơn	Lương Sơn	DH	DH	SP Sinh	6,80	7,33	Sinh học	97,00	339,33	
11	289	Bùi Thị	06/08/1990	Nữ	Mường	Yên Nghiệp, Lạc Sơn, Hòa Bình	Yên Nghiệp	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	7,67	7,67	Sinh học	60,00	265,47	
12	290	Lê Trọng	10/02/1988	Nam	Kinh	Hàng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Vinh Tiến	Kim Bôi	DH	DH	SP Sinh	7,18	5,83	Sinh học	80,00	299,13	
13	291	Bùi Thị Thu	13/12/1988	Nữ	Mường	Thanh Lương, Lương Sơn, Hòa Bình	Từ Sơn	Kim Bôi	Dan tộc	DH	SP Sinh	7,46	9,00	Sinh học	95,00	334,60	
14	292	Bùi Thị	29/04/1989	Nữ	Mường	Thương Cũ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Thương Cũ	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	7,33	7,37	Sinh học	77,00	301,00	
15	293	Bùi Thị	21/05/1987	Nữ	Mường	Lạc Thịnh, Yên Thủy, Hòa Bình	Ái Nghĩa	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	7,31	6,83	Sinh học	70,00	281,43	
16	294	Bùi Thị	04/01/1990	Nữ	Mường	Từ Do, Lạc Sơn, Hòa Bình	Từ Do	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	7,56	10,00	Sinh học	70,00	315,60	
17	295	Tân Thị	21/11/1989	Nữ	Kinh	Kim Thái, Vũ Bản, Nam Định	Thanh Hồi	Tân Lạc	DH	DH	SP Sinh	7,52	7,50	Sinh học	150,20	150,20	Bỏ thí
18	296	Nguyễn Quang	11/02/1987	Nam	Kinh	Hòa Nam, ứng Hòa, Hà Nội	Hà Bì	Kim Bôi	Con TB	DH	SP Sinh-KTNN	7,33	6,30	Sinh học	136,30	136,30	Bỏ thí

STT	Số	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Hiện tại	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp	Điểm TB học tập	Điểm THTN	Ngành	Đang học	Điểm	Tỷ lệ	Ghi chú
							Xã	Huyện													
20	297	Dương Thị Hiền	02/10/1990	Nữ	Kinh	Văn Đình, ứng Hòa, Hà Nội	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHGD-ĐHQG HN	Giỏi	8,07	9,70	Sinh học		90,00	357,70	Khả
21	298	Lê Thị Phương	09/09/1990	Nữ	Kinh	Gia Phương, Gia Viên, Ninh Bình	Chi Nê	Lạc Thủy		DH	CN Sinh học	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,20	9,50	Sinh học		50,00	267,00	Khả
22	299	Bùi Thị Ngọc	03/01/1985	Nữ	Mường	Đo Nhân, Tân Lạc, Hòa Bình	Thượng Cốc	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,57	8,75	Sinh học		60,00	283,20	Khả
23	300	Trần Văn Ngọc	30/10/1990	Nam	Kinh	Quang Xương, Kiên Xương, Thái Bình	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,31	7,00	Sinh học		60,00	273,10	Khả
24	301	Bùi Văn Ngọc	26/05/1988	Nam	Kinh	Yên Mỹ, Yên, Nam Định	Bảo Hòa	Yên Thủy		DH	CN Sinh học	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,31	6,00	Sinh học		60,00	133,10	Khả
25	302	Hoàng Văn Ngọc	09/02/1988	Nữ	Kinh	Xuân Hùng, Xuân Thủy, Nam Định	Tân Hòa	Tp Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,38	10,00	Sinh học		94,00	173,80	Khả
26	303	Bùi Văn Ngọc	24/04/1987	Nam	Mường	Đức Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Dương Sơn	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,41	8,33	Sinh học		94,00	345,43	Khả
27	304	Nguyễn Mạnh	08/08/1986	Nữ	Kinh	Yên, Nam Định	Quỳ Hương	Tân Lạc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,41	7,81	Sinh học		77,50	102,50	Khả
28	305	Nguyễn Thị Hiền	08/08/1986	Nữ	Kinh	Đông Tiến, ứng Hòa, Hà Tây	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,87	7,67	Sinh học		65,00	296,60	Khả
29	307	Lê Thị Hiền	01/12/1988	Nữ	Mường	Quỳ Kỳ, Đình Hòa, Thái Nguyên	Thị trấn	Lương Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,87	7,67	Sinh học		54,00	233,37	Khả
30	308	Bùi Thị Hiền	12/10/1988	Nữ	Mường	Lưu Khê, Thường Xuân, Thanh Hóa	Tân Thịnh	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,50	8,00	Sinh học		64,00	283,00	Khả
31	309	Nguyễn Thị Phương	06/10/1990	Nữ	Mường	Cao Thăng, Lương Sơn, Hòa Bình	Quỳ Hòa	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,26	8,00	Sinh học		55,00	262,60	Khả
32	310	Bùi Văn Ngọc	08/10/1990	Nữ	Mường	Liên Vả, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vả	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,31	6,33	Sinh học		64,00	264,43	Khả
33	311	Bùi Thị Hiền	09/12/1989	Nữ	Mường	Hương Nhung, Lạc Sơn, Hòa Bình	Hương Nhung	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,17	8,33	Sinh học		30,00	215,03	Khả
34	312	Bùi Thị Hiền	09/12/1989	Nữ	Mường	Nam Thượng, Kim Bôi, Hòa Bình	Nam Thượng	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,57	7,51	Sinh học		60,00	275,70	Khả
35	313	Bùi Văn Ngọc	13/08/1990	Nữ	Mường	Liên Vả, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vả	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,00	Sinh học		50,00	249,90	Khả
36	314	Nguyễn Thị Bích	03/03/1990	Nữ	Kinh	Hàn Mạnh, Vũ Bản, Nam Định	Yên Trị	Yên Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,99	8,00	Sinh học		50,00	130,23	Khả
37	315	Phạm Thị Mai	31/12/1990	Nữ	Kinh	Hàn Mạnh, Vũ Bản, Nam Định	Phù Lao	Lạc Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,00	Sinh học		79,00	252,07	Khả
38	316	Xa Thị Hiền	05/02/1988	Nữ	Tây	Cao Sơn, Đà Bắc, Hòa Bình	Cao Sơn	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,69	6,33	Sinh học		50,00	301,70	Khả
39	317	Bùi Văn Ngọc	15/05/1987	Nữ	Mường	Từ Do, Lạc Sơn, Hòa Bình	Từ Do	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,33	Sinh học		50,00	147,23	Khả
40	318	Bùi Văn Ngọc	08/11/1990	Nam	Mường	Bình Chan, Lạc Sơn, Hòa Bình	Bình Chan	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,33	Sinh học		50,00	261,40	Khả
41	319	Khánh Thị Hiền	21/12/1984	Nữ	Nhưng	Phù Ngọc, Hà Quảng, Cao Bằng	Hàn Lôi	Yên Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,33	Sinh học		50,00	133,53	Khả
42	320	Đinh Thị Kim	22/07/1990	Nữ	Mường	Hàn Lôi, Yên Thủy, Hòa Bình	Hàn Lôi	Yên Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,33	Sinh học		50,00	270,03	Khả
43	321	Đang Thị Thu	30/06/1989	Nữ	Kinh	Mạnh Đức, Mỹ Hòa, Hưng Yên	Hưng Thi	Lạc Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,33	Sinh học		50,00	133,53	Khả
44	322	Bùi Thị Ngọc	28/08/1990	Nữ	Mường	Đông Bắc, Kim Bôi, Hòa Bình	Đông Bắc	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,33	Sinh học		50,00	270,03	Khả
45	323	Nguyễn Thị Hiền	21/11/1990	Nữ	Mường	Từ Nê, Tân Lạc, Hòa Bình	Từ Nê	Tân Lạc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,33	Sinh học		50,00	133,53	Khả
46	324	Phạm Thị Thu	10/12/1988	Nữ	Kinh	Quỳnh Hồng, Quỳnh Phú, Thái Bình	Hàn Nghi	Tp Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,37	7,33	Sinh học		50,00	270,03	Khả
47	325	Phạm Thị Thu	10/10/1989	Nữ	Kinh	Phùng Chung, Thanh oai, Hà Nội	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,59	9,80	Sinh học		92,00	347,90	Khả
48	326	Nguyễn Anh Tuấn	26/09/1989	Nam	Kinh	Tỉnh Hòa, Tỉnh Sơn, Quảng Ngãi	TT Mường Khén	Tân Lạc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,11	6,83	Sinh học		57,00	243,43	Khả
49	327	Bùi Thị Khánh Vân	18/04/1989	Nữ	Kinh	Nghĩa Hưng, Gia Lạc, Hải Dương	Tân Hòa	Tp Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,11	6,00	Sinh học		65,00	251,90	Khả
50	328	Nguyễn Mai Xuân	02/11/1990	Nữ	Kinh	Hồng Thái, Kiên Xương, Thái Bình	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,81	7,00	Sinh học		71,00	290,10	Khả
51	329	Bùi Thị Hiền	13/08/1989	Nữ	Mường	Tân Hòa, Tp Hòa Bình, Hòa Bình	Tân Hòa	Tp Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	8,00	7,95	Sinh học		159,50	159,50	Khả
Môn Tiếng Anh																					
1	332	Bùi Đình Chi	12/12/1987	Nam	Mường	Kim Tiến, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Tiến	Kim Bôi		DH	CN Tiếng Anh	CQ	Vườn ĐH Nữ Hà Nội	Khá	7,56	7,25	Tiếng Anh		40,00	228,10	Khả
2	333	Nguyễn Thủy Hiền	16/07/1984	Nữ	Kinh	Lý Nhân, Hà Nam	Hàn Nghi	Tp Hòa Bình		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHNN-ĐHQG HN	Giỏi	8,40	9,20	Tiếng Anh		176,00	176,00	Khả
3	334	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17/10/1988	Nữ	Kinh	Yên Thành, Yên, Nam Định	Bảo Hòa	Yên Thủy		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DH Hà Nội	Khá	7,50	7,33	Tiếng Anh		148,33	148,33	Khả
4	335	Trần Thị Thu Hiền	04/08/1986	Nữ	Kinh	Lạc Thủy, Lạc Thủy, Hòa Bình	An Bình	Lạc Thủy		DH	Nguồn Ngã Anh	CQ	Vườn ĐH Nữ Hà Nội	Khá	7,02	7,25	Tiếng Anh		71,00	289,70	Khả
5	336	Lê Thị Bích Liên	20/09/1986	Nữ	Kinh	Cư Khê, Gia Lâm, Hà Nội	Lâm Sơn	Lương Sơn		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHSP-ĐHTN	Khá	6,85	7,00	Tiếng Anh		50,00	238,50	Khả
6	337	Phạm Thị Liễu	09/01/1988	Nữ	Mường	Yên Đông, Yên Mỹ, Ninh Bình	Từ Nê	Tân Lạc		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHSP Hà Nội	Khá	7,33	7,67	Tiếng Anh		77,00	110,30	Khả
7	338	Nguyễn Thanh Loan	30/08/1988	Nữ	Mường	Ngoe Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	Cham Mát	Tp Hòa Bình		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHSP Hà Nội	Khá	6,03	5,00	Tiếng Anh		55,00	243,37	Khả
8	339	Nguyễn Thị Thanh Loan	27/06/1986	Nữ	Mường	Dân Hòa, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Dân Hòa	Kim Bôi		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHNN-ĐHQG HN	Khá	6,67	6,67	Tiếng Anh		60,00	119,70	Khả
9	360	Đinh Thủy Minh	29/06/1983	Nữ	Mường	Vinh Tiến, Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Kim	Kim Bôi		DH	SP Tiếng Anh	CQ	Vườn ĐH Nữ Hà Nội	Khá	6,30	5,67	Tiếng Anh		92,00	329,03	Khả
10	361	Lê Quỳnh Nga	10/10/1987	Nữ	Kinh	Đông Vinh, Đông Sơn, Thanh Hóa	Thị trấn	Kim Bôi		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DH Hà Nội	Khá	7,17	7,33	Tiếng Anh		60,00	237,90	Khả
11	362	Lê Hồng Nhung	12/04/1989	Nữ	Mường	Hợp Kim, Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Kim	Lạc Thủy		DH	SP Tiếng Anh	CQ	Vườn ĐH Nữ Hà Nội	Khá	6,99	7,00	Tiếng Anh		92,00	329,03	Khả
12	363	Trần Thị Nhung	05/03/1988	Nữ	Kinh	Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định	TT Hùng Trại	Lạc Thủy		DH	CN Tiếng Anh	CQ	DH Hà Nội	Khá	6,00	6,00	Tiếng Anh		92,00	304,00	Khả
13	364	Va Thị Bích Phượng	22/04/1988	Nữ	Kinh	Yên Lạc, Yên Thủy, Hòa Bình	Đỗ Sơn	Kim Bôi		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHNN-ĐHQG HN	Khá	7,23	7,23	Tiếng Anh		86,00	316,60	Khả
14	365	Nguyễn Lê Quỳnh	12/02/1990	Nữ	Mường	Hợp Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	Xuân Khúc	Mai Châu		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DH Hà Nội	Khá	7,27	7,00	Tiếng Anh		60,00	262,70	Khả
15	366	Hà Thị Thanh	18/09/1989	Nữ	Kinh	Xuân Khúc, Mai Châu, Hòa Bình	Phong Phú	Tân Lạc		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHSP-ĐHTN	Khá	6,05	6,05	Tiếng Anh		91,00	303,00	Khả
16	367	Đinh Thị Hiền	26/06/1987	Nữ	Kinh	Yên Lạc, Yên Thủy, Hòa Bình	Tân Lạc	Tp Hòa Bình		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHNN-ĐHQG HN	Khá	7,73	8,67	Tiếng Anh		74,00	311,97	Khả
17	368	Đinh Thị Bích Hiền	09/10/1988	Nữ	Kinh	Án Lê, Quỳnh Phú, Thái Bình	Tân Lạc	Tp Hòa Bình		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DHNN-ĐHQG HN	Khá	7,60	7,60	Tiếng Anh		67,00	286,00	Khả
18	369	Đinh Thị Hiền	19/07/1989	Nữ	Kinh	Tân Lạc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tân Lạc	Lạc Sơn		DH	SP Tiếng Anh	CQ	Vườn ĐH Nữ Hà Nội	Khá	7,91	8,75	Tiếng Anh		52,00	270,60	Khả
19	370	Bùi Thị Uyên	22/02/1986	Nữ	Mường	Tân Lạc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tân Lạc	Lạc Sơn		DH	SP Tiếng Anh	CQ	Vườn ĐH Nữ Hà Nội	Khá	7,91	8,75	Tiếng Anh		52,00	270,60	Khả
Môn Công nghệ																					
1	399	Ta Thị Xuân	25/3/89	Nữ	Kinh	Yên Mỹ, Yên Mô, Ninh Bình	Hợp Thành	Lương Sơn		DH	SP Kỹ thuật CN	CQ	DHSP KT Hưng Yên	Giỏi	8,09	9,30	Công Nghệ		50,00	273,90	Khả
Môn Tin học																					
1	378	Vũ Thanh Bình	13/06/1985	Nam	Kinh	Trục Thuận, Trục Ninh, Nam Định	Yên Lạc	Yên Thủy		DH	CN Tin	CQ	DH Kinh tế Quốc dân	Khá	7,30	8,00	Tin		54,00	261,00	Khả
2	379	Đinh Công Hải	13/01/1988	Nam	Mường	Địch Giáo, Tân Lạc, Hòa Bình	Địch Giáo	Tân Lạc		DH	SP Tin	CQ	DH Hà Nội	Khá	6,78	7,33	Tin		141,13	141,13	Khả
3	380	Hoàng Anh Hải	20/10/1990	Nam	Mường	Thượng Cốc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ngoe Mỹ	Tân Lạc		DH	SP Tin	CQ	DH Hà Nội	Khá	6,69	6,33	Tin		130,23	130,23	Khả
4	381	Trần Thị Hồng Hạnh	20/05/1989	Nữ	Kinh	Yên Thành, Yên, Nam Định	TT Hùng Trại	Yên Thủy		DH	SP Tin	CQ	DHSP-ĐHTN	Khá	7,69	8,50	Tin		95,00	351,90	Khả
5	382	Bùi Văn Ngọc	01/09/1986	Nam	Mường	Yên Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Yên Nghĩa	Lạc Sơn		DH	SP Tin	CQ	DH Hà Nội	Khá	7,96	8,50	Tin		32,00	228,60	Khả
6	383	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/03/1988	Nữ	Kinh	Yên Hùng, Yên, Nam Định	Yên Hùng	Yên Thủy		DH	SP Tin	CQ	DHSPKT Nam Định	Khá	7,93	7,93	Tin		48,00	158,60	Khả
7	384	Hà Công Khánh	14/02/1989	Nam	Thái	Chiềng Châu, Mai Châu, Hòa Bình	Chiềng Châu	Mai Châu		DH	SP Tin	CQ	DH Hà Nội	Khá	7,23	7,00	Tin		238,30	238,30	Khả



STT	Số	SBD	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp	Điểm TB học tập	Điểm TBTN	Ngành	Đang kỳ	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
							Xã	huyện													
8	385	Nguyễn Thị Lan	08/05/1988	Nữ	Kinh	Chánh Nghĩa, Kim Đồng, Hưng Yên	Quý Hữu	Tân Lạc		DH	SP Tin	CQ	DHSP-DHTN	T.Bình	5,94	5,67	Tin		116,07	Ba thi	
9	386	Hồ Thị Lương	25/10/1990	Nữ	Thái	Nà Mèo, Mai Châu, Hòa Bình	Nà Mèo	Mai Châu		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,29	8,33	Tin		342,23		
10	387	Bùi Văn Mạnh	11/07/1987	Nam	Mường	Là Châu, Kim Bôi, Hòa Bình	Trung Bì	Kim Bôi		DH	CN CNTT	CQ	DH&K&CN Hà Nội	TB Khá	6,79	9,00	Tin		93,00		
11	388	Bùi Thị Hương	10/07/1990	Nữ	Mường	Bình Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Bình Sơn	Kim Bôi		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,45	7,67	Tin		65,00	151,90	Ba thi
12	389	Phạm Thị Ngọc	05/12/1985	Nam	Kinh	Mỹ Hòa, Kim Bôi, Hòa Bình	Mỹ Hòa	Kim Bôi		DH	CN Tin	CQ	DH Kinh doanh và CN	TB Khá	6,92	9,10	Tin		25,00	210,20	Khoá luận
13	390	Bùi Đình Trung	07/02/1989	Nam	Mường	Yên Thuông, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Yên Thuông	Cao Phong		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,06	6,67	Tin		35,00	207,27	
14	391	Nguyễn Trung Tân	15/12/1984	Nam	Kinh	Yên Kiêu, Yên Nham Định	Sơn Thủy	Kim Bôi		DH	Kỹ sư Tin học	CQ	HV BC, Viên thông	TB Khá	6,66	6,00	Tin		43,00	212,60	
15	392	Bùi Văn Tân	10/03/1988	Nam	Mường	Dù Sáng, Kim Bôi, Hòa Bình	Dù Sáng	Kim Bôi		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,02	9,00	Tin		65,00	290,20	
16	393	Sùng A	13/11/1988	Nam	Mông	Pa Cò, Mai Châu, Hòa Bình	Pa Cò	Kim Bôi		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,53	7,33	Tin		65,00	278,63	
17	394	Bùi Thị Thanh	29/05/1990	Nữ	Mường	Thượng Cốc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Thượng Cốc	Lạc Sơn		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,33	7,33	Tin		65,00	229,47	
18	395	Bùi Thị Thu	18/02/1990	Nữ	Mường	Tứ Độ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tứ Độ	Lạc Sơn		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,18	7,67	Tin		71,00	146,63	Ba thi
19	396	Bùi Duy Tiến	01/05/1987	Nam	Kinh	An Khánh, Yên Kiêu, Ninh Bình	T.T. Vũ Bản	Lạc Sơn		DH	Kỹ sư CNTT	CQ	DH Tây Bắc	TB Khá	6,71	7,50	Tin		62,00	266,10	Đã ăn
20	397	Trần Hữu Vinh	15/06/1985	Nam	Kinh	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Trì	Lạc Sơn		DH	Kỹ sư Tin học	CQ	HV BC, Viên thông	TB Khá	6,83	6,50	Tin		55,00	243,30	
21	398	Đặng Văn Việt	07/09/1984	Nam	Mường	Hoàng Hoa Thám, Ân Thi, Hưng Yên	Long Sơn	Lương Sơn		DH	Tin học QL	CQ	Viện DH Mĩ Hà Nội	TB Khá	6,13	6,21	Tin		76,00	275,40	
VIII Môn GDTC -QP																					
1	371	Bùi Ngọc Dương	19/04/1989	Nam	Mường	Sao Báy, Kim Bôi, Hòa Bình	Sao Báy	Kim Bôi		DH	TD/TC-GDQP	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,65	7,50	GDTC-QP		72,00	295,50	
2	372	Bùi Văn Diệp	01/09/1982	Nam	Mường	Ngọc Lâu, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ngọc Lâu	Lạc Sơn		DH	SP TD/TC	CQ	DHSP-DHTN	T.Bình	5,96	5,67	GDTC-QP		43,00	202,27	Có CC GDQP
3	373	Đinh Thanh Hiệp	09/09/1987	Nam	Mường	Tu Lý, Đà Bắc, Hòa Bình	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	GDTC-GDQP	CQ	DH SPDTT Hà Nội	TB Khá	6,83	6,72	GDTC-QP		42,00	219,50	Có CC GDQP
4	374	Nguyễn Văn Huy	29/09/1986	Nam	Mường	Đương Phong, Cao Phong, Hòa Bình	Đương Phong	Cao Phong		DH	SP TD/TC	CQ	DHSP-DHTN	TB Khá	6,27	5,67	GDTC-QP		41,00	201,37	Có CC GDQP
5	375	Nguyễn Tuấn Phương	07/06/1984	Nam	Kinh	Trúc Đông, Trục Ninh, Nam Định	Nhân Nghĩa	Lạc Sơn		DH	GDTC-GDQP	CQ	DH SPDTT Hà Nội	TB Khá	6,62	7,00	GDTC-QP		88,00	312,20	Có CC GDQP
6	376	Bùi Văn Thành	08/09/1986	Nam	Mường	Kỳ Phú, Nhu Quan, Ninh Bình	Tan Thới	Yên Thủy		DH	SP TD/TC	CQ	DHSP-DHTN	TB Khá	6,52	6,33	GDTC-QP		70,00	268,53	Có CC GDQP
7	377	Bùi Thị Vui	17/03/1988	Nữ	Mường	Ân Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ân Nghĩa	Lạc Sơn		DH	GDTC-GDQP	CQ	DH SPDTT Hà Nội	Khá	7,92	8,16	GDTC-QP		75,00	310,80	Có CC GDQP
IX Giáo dục công dân																					
1	330	Nguyễn Mạnh Cường	23/02/1987	Nam	Mường	Điền Ngọc, Điền Châu, Nghệ An	Trưng Minh	TP Hòa Bình		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-DHTN	T.Bình	5,90	6,33	GD/CD		50,00	222,33	
2	331	Đinh Thị Duân	19/03/1988	Nữ	Mường	Tuân Lã, Tân Lạc, Hòa Bình	TT Mường Khén	Tân Lạc		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,14	9,00	GD/CD		70,00	301,40	
3	332	Phạm Thủy Dung	01/02/1989	Nữ	Kinh	Mai Hạ, Mai Châu, Hòa Bình	Mai Hạ	Mai Châu		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,98	9,25	GD/CD		90,00	347,40	Khoá luận
4	333	Quách Thị Duyên	10/06/1987	Nữ	Kinh	Lạc Yên, Nhu Quan, Ninh Bình	Thanh Hải	Tân Lạc		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,74	9,00	GD/CD		90,00	347,40	Khoá luận
5	334	Bùi Thị Thu Hằng	07/08/1988	Nữ	Mường	Trung Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Trung Sơn	Lương Sơn		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	TB Khá	6,95	7,75	GD/CD		60,00	267,00	
6	335	Đinh Thị Thu Hằng	24/10/1990	Nữ	Kinh	Hồng Quang, ứng Hòa, Hà Nội	Quý Hậu	TP Hòa Bình		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,13	8,75	GD/CD		40,00	238,80	
7	336	Nhiệt Hồng	01/12/1989	Nữ	Kinh	Tam Hùng, Thanh Oai, Hà Nội	Chân Mát	TP Hòa Bình		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,79	9,25	GD/CD		50,00	270,40	
8	337	Nguyễn Thị Hiền	24/07/1988	Nữ	Kinh	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Yên Trì	Yên Thủy		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-DHTN	Khá	7,62	9,50	GD/CD		70,00	311,20	Khoá luận
9	338	Hoàng Thị Hòa	08/04/1990	Nữ	Mường	Long Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Thanh Hà	Lạc Thủy		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,91	10,00	GD/CD		95,00	179,10	Ba thi
10	339	Nguyễn Thị Hiệp Hòa	12/09/1990	Nữ	Kinh	Lạc Thịnh, Yên Thủy, Hòa Bình	Lạc Thịnh	Lương Sơn		DH	GD/CD -QP	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,64	8,75	GD/CD		90,00	333,90	
11	340	Vương Thị Huyền	21/03/1989	Nữ	Mường	Ngô Lương, Tân Lạc, Hòa Bình	Yên Trì	Yên Thủy		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-DHTN	Khá	8,06	10,00	GD/CD		90,00	360,60	Khoá luận
12	341	Nguyễn Thị Nhung	03/05/1988	Nữ	Mường	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	TT Mường Sơn	Lương Sơn		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,29	9,50	GD/CD		90,00	347,40	Khoá luận
13	342	Nguyễn Thị Phương	12/07/1988	Nữ	Mường	Miền Độc, Tân Lạc, Hòa Bình	TT Mường Khén	Tân Lạc		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,16	8,50	GD/CD		60,00	276,60	
14	343	Bùi Thị Phương	08/11/1988	Nữ	Mường	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Trì	Yên Thủy		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,47	8,00	GD/CD		94,00	342,70	
15	344	Quách Thị Quỳnh	11/03/1989	Nữ	Mường	Xuất Hòa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Xuất Hòa	Lạc Sơn		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-DHTN	Khá	7,60	7,60	GD/CD		70,00	292,00	Tin chỉ
16	345	Nguyễn Thị Xa	04/10/1984	Nữ	Mường	Tu Lý, Đà Bắc, Hòa Bình	Tu Lý	Đà Bắc		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,55	8,75	GD/CD		75,00	313,00	
17	346	Xa Thị Thảo	24/11/1990	Nữ	Mường	Quỳnh Lưu, Nhu Quan, Ninh Bình	TT Mai Châu	Lương Sơn		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	8,19	10,00	GD/CD		60,00	301,90	Khoá luận
18	347	Bách Thị Tùng	20/04/1988	Nữ	Kinh	Lạc Lương, Yên Thủy, Bắc Ninh	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-DHTN	Khá	7,83	10,00	GD/CD		65,00	308,30	Khoá luận
19	348	Tổng Minh Tú	17/03/1986	Nữ	Mường	Thị Lãng, TP Hòa Bình, Hòa Bình	Thị Lãng	TP Hòa Bình		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-DHTN	TB Khá	6,56	6,00	GD/CD		55,00	166,20	Ba thi
20	349	Bùi Thị Trang	15/07/1988	Nữ	Mường	Thị Lãng, TP Hòa Bình, Hòa Bình	Thị Lãng	TP Hòa Bình		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,38	8,75	GD/CD		50,00	261,30	
21	350	Nguyễn Thị Vân	22/12/1989	Nữ	Mường	Thị Lãng, TP Hòa Bình, Hòa Bình	Thị Lãng	TP Hòa Bình		DH	SP GD/CD	CQ	DHSP-Hà Nội 2	Khá	7,38	8,75	GD/CD		50,00	261,30	